

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HS-ST

Ngày: 07/5/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Vinh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khắc Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

1/ **Trần Thị Hồng C**, tên gọi khác: H, sinh năm: 1982, tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Ch (đã chết) và bà Ngô Thị H (đã chết); Bị cáo có 09 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 09 trong gia đình; Chồng: Nguyễn Văn Ngh và có 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại cho đến nay (có mặt tại phiên tòa)

2/ **Trương Thị Bé C**, sinh năm: 1973 tại tỉnh Trà Vinh

Nơi cư trú: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn Nh (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Bị cáo có hai chị em ruột, bị cáo là con thứ hai; Chồng: Nguyễn Văn A (đã chết) có 02 con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại cho đến nay. (có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 14/5/2019 (lúc này các Công ty xổ số đã có kết quả mở thưởng), Công an huyện B phối hợp cùng Công an xã B kiểm tra Trần Thị Hồng C tại địa điểm chợ “Ba Tr” thuộc thôn 2, xã B đang sử dụng điện thoại di động (loại Nokia, màu xanh, số thuê bao 0334.184.457) phát hiện nhiều tin nhắn có nội dung đánh bạc bằng hình thức ghi số đề gửi đến số thuê bao 0335.979.413 của Trương Thị Bé C vào chiều ngày 14/5/2019, nên Cơ quan công an lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng (BL 61,63). Nội dung tin nhắn như sau:

Tin nhắn 1: Lúc 3 giờ 06 phút (tức 15 giờ 06 phút) có nội dung “3 đài: 12 13 23 28 35 75 39 79 52 32 72 78 87 68 59 lô 50n”. Có nghĩa là: Trần Thị Hồng C gửi các số trên (12, 13, 23, 28, 35, 75, 39, 79, 52, 32, 72, 78, 87, 68, 59) cho Trương Thị Bé C đặt cược bao lô 3 đài (Bà Rịa – Vũng Tàu, Bến Tre, Bạc Liêu) mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền cược là: 15 số x 3 đài x 50.000đ x 13 (hệ số bao lô gồm 18 số) = 29.250.000 đồng. Kết quả những số trúng đề (12, 79, 68, 39), Tổng số tiền trúng đề: 4 số x 50.000 đồng x 73 (hệ số trúng đề) = 14.600.000 đồng.

Tin nhắn 2: Lúc 3 giờ 07 phút (tức 15 giờ 07 phút) có nội dung “63 37 73 91 92 lô 50n vt”. Có nghĩa là: Trần Thị Hồng C gửi các số trên (63, 37, 73, 91, 92) cho Trương Thị Bé C đặt cược bao lô đài Bà Rịa – Vũng Tàu, mỗi số 50.000 đồng, với tổng số tiền cược là: 5 số x 1 đài x 50.000 đồng x 13 (hệ số bao lô gồm 18 số) = 3.250.000 đồng. Kết quả không trúng số nào.

Tin nhắn 3: Lúc 3 giờ 33 phút (tức 15 giờ 33 phút) có nội dung “22dp 69 77 lô 20n”. Có nghĩa là: Trần Thị Hồng C gửi các số trên (69, 77) cho Trương Thị Bé C đặt cược bao lô 2 đài phụ (Bến Tre, Bạc Liêu) mỗi số 20.000 đồng, với tổng số tiền cược là: 2 số x 2 đài 20.000 đồng x 13 (hệ số bao lô gồm 18 số) = 1.040.000 đồng. Kết quả số 77 trúng đề, tổng số tiền trúng: 1 số x 20.000 đồng x 73 = 1.460.000 đồng.

Tin nhắn 4: Lúc 3 giờ 45 (tức 15 giờ 45 phút) có nội dung “51 dd 2000n 11 12 dd 500n vt”. Có nghĩa là: Trần Thị Hồng C gửi số 51 đặt cược đầu đuôi (giải 8 và hai số cuối giải đặc biệt) cho Trương Thị Bé C đặt cược đầu 2.000.000 đồng, đuôi 2.000.000 đồng, đặt cược số (11, 15) đầu đuôi mỗi số 500.000đ đài Vũng Tàu, tổng số tiền cược: 2.000.000 đồng (đầu) + 2.000.000 đồng (đuôi) + 2 số x 500.000 đồng (đầu) + 2 số x 500.000 đồng (đuôi) = 6.000.000 đồng. Kết quả không trúng.

Tin nhắn 5: Lúc 4 giờ 04 phút (tức 16 giờ 04 phút) có nội dung “351, 258 lô 10n vt”. Có nghĩa là: Trần Thị Hồng C gửi các số trên (351, 258) cho Trương Thị Bé C đặt cược bao lô đài Bà Rịa – Vũng Tàu mỗi số 10.000 đồng, tổng số tiền cược: 2 số x 1 đài x 10.000 đồng x 13 (hệ số bao lô gồm 18 số) = 260.000 đồng. Kết quả không trúng.

Trong ngày 14/5/2019, tổng số tiền cá cược ghi số đề giữa Trần Thị Hồng C và Trương Thị Bé C là: 29.250.000 đồng + 3.250.000 đồng + 6.000.000 đồng + 1.040.000 đồng + 260.000 đồng = 39.800.000 đồng. Tổng số tiền ghi đề trúng là: 14.600.000 đồng + 1.460.000 đồng = 16.060.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền thắng, thua giữa Trần Thị Hồng C và Trương Thị Bé C sử dụng để đánh bạc là: 55.860.000 đồng (39.800.00 đồng + 16.060.000 đồng)

Tất cả tin nhắn gửi đến số thuê bao 0335.979.413 của Trương Thị Bé Cúc đã nhận được tin nhắn trả lời có nội dung: “3đai 12 13 23 28 35 75 39 79 52 32 72 78 87 68 59 lô 50n ok1t”; “63 37 73 91 92 lô 50n vt ok2t”; “2dp 69 77 lô 20n ok3t”; “51 dd 2000n 11 12 dd 500n vt ok4t”; “351,258 lô 10n vt ok5t”.

Sau khi nhận được tin nhắn cá cược ghi số đề với Trần Thị Hồng C thì Trương Thị Bé C nhắn trả lời là ok (tức đồng ý). Sau đó, Trương Thị Bé C nhắn tin chuyển toàn bộ số tiền cá cược cho Trương Minh Ng (L), sinh năm 1989, nơi thường trú: Khu T, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để cá cược với Trương Minh Ng. Trương Minh Ng có nhận được tin nhắn từ Trương Thị Bé C với nội dung số đề được ghi như trên, nhưng do chưa tin tưởng nên không nhắn tin trả lời. Nghe tin Trần Thị Hồng C bị công an làm việc thì Trương Thị Bé C ném bỏ điện thoại có nội dung tin nhắn ghi số đề xuống cầu Sông Lấp để tiêu hủy, còn Trương Minh Ng cũng bẻ sim và vứt bỏ điện thoại có nội dung tin nhắn ghi số đề mà Trương Thị Bé C gửi đến để tiêu hủy

Các con bạc đánh bạc bằng hình thức chơi số đề thông qua điện thoại di động để nhắn tin giao dịch với nhau, ghi các con số ngẫu nhiên và cá cược bất kỳ. Sau đó, người nhận sẽ sử dụng điện thoại di động nhắn tin trả lời “ok” để xác nhận con số cá cược, số tiền cá cược đã được đồng ý chấp thuận. Khi có kết quả số số người ghi sẽ đối chiếu kết quả, nếu trúng thì sáng ngày hôm sau sẽ đến gặp chủ nhận đề và tính thắng thua theo như tỉ lệ đã cá cược như sau:

- Đánh số chủ, bao lô 03 số, bao lô 02 số; số đá thì tỉ lệ 01 ăn 600.
- Đánh đầu đuôi 02 số thì tỉ lệ 01 ăn 73.
- Nếu đánh bao lô (18 số) thì tỉ lệ tiền cược chỉ tính là 13 số hoặc 12, 69 tùy người chơi thỏa thuận (hệ số tính tiền bao lô).

Tin nhắn ghi số đề nói trên là do Trần Thị Hồng C đã nhận từ người tên Th quê ở Bến Tre với 08 tin nhắn đồng ý nhận ghi đề với tổng số tiền cược 6.822.000đ. Trần Thị Hồng C nhận tin nhắn ghi số đề từ bà H 01 tin nhắn, với số tiền cược 13.100.000đ. Sau đó, căn cứ vào tin nhắn phôi đề Trần Thị Hồng C chuyển tin nhắn đến cho người đàn ông tên T với tổng số tiền cược 55.029.000đ và Trương Thị Bé C đồng thời kết hợp ghi thêm những con số mà Trần Thị Hồng C tự chơi.

Bị cáo Trần Thị Hồng C và Trương Thị Bé C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố tại bản cáo trạng số 19/CTr – VKS ngày 10/02/2020 về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Hồng C và Trương Thị Bé C phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng C 24 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Trần Thị Hồng C phải nộp số tiền 10.000.000đ đến 15.000.000đ

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thị Bé C 24 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Trương Thị Bé C phải nộp số tiền 10.000.000đ đến 15.000.000đ

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Đề nghị tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động Nokia màu xanh – đen và 01 sim có số thuê bao 0334 184 457; Tuyên trả lại cho bị cáo Trần Thị Hồng C số tiền 27.365.000đ

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Thị Hồng C, Trương Thị Bé C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo Trần Thị Hồng C, Trương Thị Bé C thừa nhận đã được nhận đầy đủ các văn bản tố tụng và không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Thị Hồng C: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trương Thị Bé C: Bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy, có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trần Thị Hồng C đánh bạc với Trương Thị Bé C bằng hình thức chơi số đề thông qua việc nhắn tin trên điện thoại. Tổng số tiền thắng thua là 55.860.000đ, Trần Thị Hồng C và Trương Thị Bé C chưa thanh toán với nhau.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự công cộng, mà còn xâm phạm đến đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà Nước về phòng chống các tệ nạn xã hội, còn là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng với mục đích lấy tiền từ việc thắng thua các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi nêu trên của Trần Thị Hồng C và Trương Thị Bé C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” và căn cứ vào số tiền bị cáo đánh bạc là: 55.860.000đ, là tình tiết định khung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Trần Thị Hồng C: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có trình độ nhận thức, hiểu biết thấp thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Trương Thị Hồng C: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có trình độ nhận thức, hiểu biết thấp; Bị cáo có nhân thân tốt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

Xét mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị: Bị cáo Trần Thị Hồng C và bị cáo Trương Thị Bé C có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Trần Thị Hồng C và bị cáo Trương Thị Bé C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo còn có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này bị cáo Trương Thị Bé C không có thực hiện hành vi phạm tội nào khác. Do đó, không cần thiết phải bắt bị cáo Trần Thị Hồng C và bị cáo Trương Thị Bé C

chấp hành hình phạt tù. Vì vậy, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Trần Thị Hồng C và bị cáo Trương Thị Bé C, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000đ

[5] – Đối với người tên Th sử dụng số thuê bao 0399 989 329 và 0944 242 784 gửi nhiều tin nhắn với nội dung ghi số đề đến cho Trần Thị Hồng C. Tuy nhiên, Trần Thị Hồng C không biết nhân thân, địa chỉ Th. Hiện nay, cơ quan điều tra – Công an huyện B chưa xác minh được nhân thân, địa chỉ của Thúy và thời hạn điều tra đã hết. Vì vậy, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với người tên T: Vào ngày 14/5/2019 Trần Thị Hồng C sử dụng số thuê bao 0334 184 457 gửi nhiều tin nhắn với nội dung ghi số đề đến số thuê bao của T là 0786 421 059 và 0385 037 364 để ghi đề. Tuy nhiên, Trần Thị Hồng C không biết nhân thân, địa chỉ của T. Hiện nay, cơ quan điều tra – Công an huyện B chưa xác minh được nhân thân, địa chỉ của T và thời hạn điều tra đã hết. Vì vậy, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với người tên H sử dụng số thuê bao 0397 299 447 và 0397 960 653 gửi nhiều tin nhắn với nội dung ghi số đề đến số thuê bao của Trần Thị Hồng C. Tuy nhiên, Trần Thị Hồng C không biết rõ nhân thân, địa chỉ của người tên H. Hiện nay, cơ quan điều tra – Công an huyện B chưa xác minh được nhân thân, địa chỉ của H và thời hạn điều tra đã hết. Vì vậy, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với Trương Minh Ng thừa nhận có việc nhận được tin nhắn ghi số đề của Trương Thị Bé C. Tuy nhiên, Trương Minh Ng không đồng ý nên không nhắn tin trả lời. Mặt khác, Trương Minh Ng và Trương Thị Bé C đã vứt bỏ sim cung điện thoại liên quan đến nội dung ghi số đề và không có tài liệu, chứng cứ khác nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B không có căn cứ xử lý là có cơ sở.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với số tiền 27.365.000đ không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Trần Thị Hồng C

Đối với 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh – đen số IMEL 352891108805 và số thuê bao 03334184457 là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định: *“Người bị kết án phải chịu án phí theo quyết định của Tòa án”*. Do đó, bị cáo

Trần Thị Hồng C và Trương Thị Bé C, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hồng C và Trương Thị Bé C phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Hồng C 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Trần Thị Hồng C phải nộp số tiền là 10.000.000đ

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thị Bé C 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Trương Thị Bé C phải nộp số tiền là 10.000.000đ

2/ Về vật chứng vụ án:

Căn cứ vào Điều 46 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung quỹ 01 phong bì niêm phong của công an huyện B có chữ ký của Lê Văn Đ, Đào Thị Q, Trần Thị Hồng C đề ngày 06/11/2019.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thị Hồng C số tiền là 27.365.000đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0009752 lập ngày 22/01/2020)

3/ Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Thị Hồng C và Trương Thị Bé C mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2020).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BP;
- VKS và Chi cục THA huyện B;
- Sở tư pháp và Công an tỉnh BP;
- Bị cáo;
- Người tham gia TT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Phương Hạnh**